| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:10/2021/KDTM-ST
Ngày 24-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Bà Cao Thị Hạ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2021/QĐXXST-KDTM ngày 9 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2021/QĐST-KDTM ngày 9 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP SN (SN); địa chỉ: Số 77 A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông C, ông D, ông E, ông F, ông G, ông H – đều là cán bộ Ngân hàng TMCP SN (Theo văn bản ủy quyền số 226/UQ-TGĐ ngày 22/8/2017); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH TH; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1. Ông L; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng, hiện đang tạm trú ở nước ngoài; vắng mặt.

2. Bà M, địa chỉ: Tổ dân phố I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng SN (gọi tắt là Ngân hàng hoặc SN) trình bày:*

Ngày 01/9/2011, Ngân hàng TMCP SN (SN) (khi đó là Ngân hàng TMCP Nhà N, sáp nhận vào Ngân hàng SN theo quyết định số 1559/QĐ-NHNN ngày 7/8/2012 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam) và Công ty TNHH TH (gọi tắt là công ty TH) đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110812201/HĐTD-HM/2011 và phụ lục tín dụng với nội dung cụ thể như sau: Hạn mức cấp tín dụng: 1.500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, gia công kim khí, thời hạn cho vay: 12 tháng, Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức: 04 tháng, kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong hạn: 23,5%/năm. Điều chỉnh lãi suất vay trong hạn: 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân.

Tài sản bảo đảm của khoản vay: Quyền sử dụng 236m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại: thôn O, xã J, huyện P, Hải phòng (nay là O 1, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 603646, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00298QSDĐ/KT-01-Q1 ngày 30/10/2002 do UBND huyện P, thành phố Hải Phòng cấp cho Hộ ông (bà) Q. Ngày 01/9/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận K, Hải Phòng đính chính "giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00298QSDĐ/KT-01-Q1 do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2002 thuộc quyền sử dụng của ông R".

Thực hiện hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110812201/HĐTD-HM/2011 ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức đính kèm, Ngân hàng TMCP SN (SN) đã giải ngân nhiều lần cho Công ty TH với tổng số tiền là 1.500.000.000đ với nhiều khế ước nhận nợ; thời hạn của mỗi khế ước nhận nợ là 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty đã trả đủ gốc, lãi đối với khoản vay 750 triệu đồng, còn lại số tiền 750.000.000đ theo giấy nhận nợ vay số 280110812201-3 ngày 05/01/2012 thì công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên chuyển nợ quá hạn từ tháng 10/2012. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho Công ty TH trả nợ nhưng không thực hiện được, gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Tính đến ngày 17/3/2020, Công ty TH đã trả nợ cho SN tổng số tiền là 361.125.100 đồng, trong đó: Gốc: 250.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 108.532.600 đồng; Lãi quá hạn: 2.579.300 đồng; Phạt chậm trả lãi: 13.200 đồng.

*Yêu cầu khởi kiện*: Buộc Công ty TNHH TH phải trả Ngân hàng TMCP SN (SN) số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 280110812201/HĐTD-HM/ 2011 ngày 01/9/2011 và phụ lục tín dụng hạn mức đính kèm tính đến ngày 17/3/2020 là 1.696.212.192 đồng, trong đó: Nợ gốc: 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 26.250.000 đồng; nợ lãi quá hạn là: 984.375.000 đồng; lãi phạt là: 185.587.192 đồng.

Công ty TNHH TH phải tiếp tục thanh toán phần lãi vay tính theo lãi suất nợ quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số

28011081220/HĐTD-HM/2011 ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức đính kèm kể từ ngày 17/3/2020 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp Công ty TNHH TH không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP SN (SN) được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nói trên không đủ nghĩa vụ trả nợ Công ty TNHH TH phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho SN. Nếu còn thừa thì sẽ trả lại cho các chủ tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2020, Ngân hàng có đơn bổ sung đơn khởi kiện, cụ thể đề nghị công ty Kim khí TH và những thành viên của công ty phải trả số tiền còn nợ cho ngân hàng.

Ngày 9/6/2021, ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 236m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa số 21 tờ bản đồ số 13 thôn O, xã J, huyện P, thành phố Hải Phòng. Do ngày 10/3/2021 người thế chấp là ông R và bà S tự nguyện trả nợ thay cho công ty số tiền 526.500.000đ (nợ gốc và lãi trong hạn) nên ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm, do vậy Tòa án đã ra thông báo không tiếp tục đưa ông R và bà S tham gia tố tụng. Và ngân hàng thay đổi số tiền buộc công ty TH trả đến ngày 9/3/2021 lãi quá hạn là 1.118.000.000đ, lãi phạt là 223.157.955đ. Ngày 23/9/2021, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu đòi lãi phạt. Chỉ yêu cầu công ty TH, ông L, bà M trả lãi quá hạn.

*Bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết không có mặt tại địa phương, không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm tuyên án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông L, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho ngân hàng tiền lãi quá hạn là 1.117.986.800đ; đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện ngân hàng đã rút.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng là tổ chức kinh doanh với công ty TH, mục đích vay của bị đơn

là để bổ sung vốn kinh doanh lưu động, hoạt động cho vay của ngân hàng cũng như hoạt động vay của bị đơn đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc những tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Trong vụ án có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh L qua xác minh tại chính quyền địa phương và tại công văn số 11573 của Cục quản lý XNC-P5 Bộ Công an thể hiện ông L đã xuất cảnh đi nước ngoài từ ngày 27/8/2017, chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

[2]. Về thủ tục tống đạt cho bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông L, bà M: Trong quá trình giải quyết vụ án, qua việc xác minh tại địa phương xác định bị đơn là công ty Kim khí TH đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, công ty không còn hoạt động tại trụ sở, các thành viên công ty là bà M hiện vắng mặt tại địa phương, ông L hiện đang ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng của các đương sự và tại trụ sở Tòa án, riêng ông L đã đăng trên cổng thông tin điện tử của TAND và thông báo trên đài phát thanh dành cho người nước ngoài (VOV5) và được in trên trang thông tin điện tử của đài Tiếng nói Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, và ông L, bà M.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung đề nghị phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, và rút yêu cầu đòi lãi phạt. Căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút trên của ngân hàng.

[4]. Về những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông L, bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Theo công văn số 336/CV-ĐKKD ngày 5/8/2020 của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cung cấp: Công ty Kim khí TH đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 12/9/2012. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty TH có 02 thành viên góp vốn là: Ông L (tỷ lệ góp vốn 52,63%), bà M (tỷ lệ góp vốn 47,37%). Theo khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định: "*Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này. Sau thời hạn 6 tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, các*

*thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán*". Do vậy, HĐXX thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông L, bà M với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty TH.

- *Về nội dung*:

[5]. Xét hợp đồng tín dụng số 280110812201/HĐTD1-HM/2011 ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP T (sau này sáp nhận vào SN) và Công ty Kim khí TH được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng và Công ty Kim khí TH. Các bên ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123 và Điều 124 BLDS năm 2005, Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[6]. Xét yêu cầu đòi số tiền nợ lãi quá hạn:

Mức lãi suất trong hạn do các bên thỏa thuận là 23.5%/năm kể từ ngày giải ngân, theo quy định tại Điều 8 hợp đồng tín dụng thì mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 11 của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD năm 2010 nên được chấp nhận.

Theo bảng tính chi tiết nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện từ ngày 09/7/2012 đến ngày 9/3/2021, số tiền lãi quá hạn theo các mức lãi suất như sau: Từ ngày 09/7/2012 đến ngày 07/8/2012 lãi suất quá hạn là 29,25%; Từ ngày 07/8/2012 đến ngày 17/4/2017 lãi suất quá hạn giảm còn 27%; Từ ngày 17/4/2017 đến ngày 09/3/2021 lãi suất quá hạn là 27,375%, tổng lãi quá hạn là: 1.120.829.300 – 2.829.300 (bị đơn đã trả) = 1.118.000.000 đồng.

Đối với số tiền 13.200đ là tiền lãi phạt ngân hàng đã thu của công ty TH: Căn cứ theo khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng không được thu khoản tiền này. Do vậy, số tiền lãi phạt đã thu được trừ vào số tiền lãi quá hạn. Như vậy, số tiền bị đơn phải trả cho ngân hàng là: 1.118.000.000đ – 13.200đ = 1.117.986.800đ.

[7]. Theo phân tích ở trên thì công ty và các thành viên góp vốn của công ty TH (tức những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của công ty) phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc công ty TH và các thành viên công ty phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về yêu cầu đòi lãi quá hạn.

[8]. Xét về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Bị đơn, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 176, Điều 227, Điều 244, Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SN.

**1.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SN về việc đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 236m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa số 21 tờ bản đồ số 13 thôn O, xã J, huyện P, thành phố Hải Phòng, và yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền lãi phạt là 223.157.955đ.

**2.** Buộc Công ty TNHH TH và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của công ty (ông L, bà M) phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SN số tiền lãi quá hạn từ ngày 9/7/2012 đến ngày 9/3/2021 là 1.117.986.800đ theo hợp đồng tín dụng số 280110812201/HĐTD1-HM/2011 ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH TH.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH TH và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của công ty (ông L, bà M) phải nộp án phí là 45.539.604 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SN số tiền tạm ứng án phí là 31.443.000đ theo biên lai thu tiền số 0014386 ngày 3/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ; ông L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi Cục THADS quận K;
- Cục THA DS TP Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**